

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ VIỆT TRÌ
TỈNH PHÚ THỌ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 75/2021/HS-ST
Ngày 06 tháng 7 năm 2021

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ VIỆT TRÌ, TỈNH PHÚ THỌ**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm cả

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Phương Hoa

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Lưu Thị Kim Thanh

Bà Đỗ Thị Vân Anh

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Bích Huệ - Thư ký Toà án nhân dân thành phố Việt Trì, tỉnh Phú Thọ.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Việt Trì, tỉnh Phú Thọ tham gia phiên tòa: Bà Đỗ Thị Bích Phượng - Kiểm sát viên.

Ngày 06 tháng 7 năm 2021, tại trụ sở Toà án nhân dân thành phố Việt Trì, tỉnh Phú Thọ xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 71/2021/TLST-HS ngày 22 tháng 06 năm 2021 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số 60/2021/QĐXXST-HS ngày 22 tháng 6 năm 2021 đối với bị cáo:

Lò Văn T, Sinh ngày 22/02/2000; tại tỉnh Đ; đăng ký hộ khẩu thường trú: B, xã M, huyện M1, tỉnh Đ; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: 12/12; dân tộc: Thái; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Lò Văn C - sinh năm 1978 và Tòng Thị H - sinh năm 1979; Gia đình bị cáo có 02 anh, em, bị cáo là con thứ nhất;

Tiền án, tiền sự: Không.

- Bị cáo bị bắt tạm giữ từ ngày 23/01/2021, đến ngày 01/02/2021 bị khởi tố vụ án, khởi tố bị can, được hủy bỏ biện pháp tạm giữ và ra lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú. Hiện bị cáo đang tại ngoại tại xã M, huyện M1, tỉnh Đ (Có mặt).

Người bị hại:

1. Anh Lò Văn K, sinh năm 1994. (Vắng mặt)

Địa chỉ: Xã M2, huyện S, tỉnh S1.

2. Anh Lò Văn L, sinh năm 1990. (Vắng mặt)

Địa chỉ: Xã M2, huyện S, tỉnh S1.

3. Anh Lò Văn D, sinh năm 1994. (Vắng mặt)

Địa chỉ: Xã M2, huyện S, tỉnh S1.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Ngày 22/01/2021, Cơ quan Cảnh sát điều tra - Công an tỉnh Phú Thọ nhận được đơn tố giác của anh Lò Văn K - sinh ngày 10/12/1999, hộ khẩu thường trú ở xã M2, huyện S, tỉnh S1, chỗ ở hiện nay: Xã Đ, huyện T, tỉnh Vĩnh Phúc bị một đối tượng lừa đảo qua mạng xã hội facebook, chiếm đoạt của anh K, anh Lò Văn D - sinh năm 1994, và anh Lò Văn L - sinh năm 1990, đều có hộ khẩu thường trú ở xã M2, huyện S, tỉnh S1 tổng số tiền 6.000.000đ (sáu triệu đồng) và 01 điện thoại di động Samsung Galaxy J6 đã qua sử dụng. Quá trình điều tra, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Phú Thọ đã xác định được đối tượng, khởi tố vụ án, khởi tố bị can đối với Lò Văn T - sinh ngày 22/02/2000, hộ khẩu thường trú ở B, xã M, huyện M1, tỉnh Đ hiện đăng ký tạm trú tại: Đội 3, khu T, phường Minh Nông, thành phố Việt Trì, tỉnh Phú Thọ về tội Lừa đảo chiếm đoạt tài sản theo quy định tại khoản 1 Điều 174 Bộ luật hình sự. Ngày 01/02/2021, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Phú Thọ đã ra quyết định chuyển vụ án đến Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Việt Trì, tỉnh Phú Thọ để điều tra theo thẩm quyền.

Tại Cơ quan điều tra, Lò Văn T đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như sau:

Vào tháng 7/2020, do không có công việc và thu nhập ổn định lại cần tiền chi tiêu cá nhân, T nảy sinh ý định sử dụng điện thoại di động nhãn hiệu OPPO F1S của T đăng ký tài khoản trên mạng xã hội Facebook dưới tên đăng nhập: “lovantxxx77xx@gmail.com”, theo liên kết <http://www.facebook.com/ngan.hoangthi.5055233> (T đặt tên hiển thị cho tài khoản trên là Hoàng Thị N, cài đặt thông tin và hình ảnh của một người nữ giới) để kết bạn, làm quen với các tài khoản Facebook là nam giới sau đó nhận lời yêu, tạo sự tin tưởng rồi yêu cầu chuyển tiền để chiếm đoạt.

Đến khoảng 12/2020, T sử dụng tài khoản facebook Hoàng Thị N kết bạn với tài khoản facebook “Khxx Nxx” của anh Lò Văn K - sinh năm 1999, hộ khẩu thường trú ở xã M2, huyện S, tỉnh S1, hiện ở: Xã Đ, huyện T, tỉnh Vĩnh Phúc. T tự giới thiệu tên là N, còn độc thân, là sinh viên Cao đẳng Y dược tỉnh Phú Thọ, tại thành phố Việt Trì, tỉnh Phú Thọ. Sau một tuần nói chuyện qua facebook, anh K ngỏ lời yêu và T nhận lời. Khi anh K nhắn tin yêu cầu gọi điện thoại có hình ảnh, T đã từ chối với lý do không có điện thoại, đang mượn máy tính của bạn cùng khu

trợ nhắn tin nên không thể gọi được hình ảnh. T yêu cầu anh K chuyển tiền vào số tài khoản 2890205293xxx của T để mua điện thoại gọi được hình ảnh. Do tin tưởng người nhận lời yêu mình sử dụng tài khoản Hoàng Thị N là nữ giới nên ngày 17/12/2020, anh K đưa tiền nhờ anh họ của K là anh Lò Văn K2 - sinh năm 1992, hộ khẩu thường trú ở xã M2, huyện S, tỉnh S1 chuyển số tiền 2.500.000 đồng (hai triệu năm trăm nghìn đồng) vào tài khoản mà T nhắn tin cung cấp. Do không có tài khoản ngân hàng nên anh K2 đã đưa số tiền 2.500.000 đồng (hai triệu năm trăm nghìn đồng) cho bạn của K2 là anh Quảng Văn N - sinh năm 1987, hộ khẩu thường trú ở xã M2, huyện S, tỉnh S1 để chuyển khoản số tiền trên. Anh N sử dụng tài khoản của ngân hàng thương mại cổ phần Quân đội (không nhớ số tài khoản) để chuyển vào tài khoản mà T cung cấp. Sau khi nhận được số tiền 2.500.000 đồng (hai triệu năm trăm nghìn đồng), T lấy lý do là không đủ để mua được điện thoại và tiếp tục yêu cầu anh K gửi cho T điện thoại để sử dụng. Do tin tưởng, anh K đã gửi cho T 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Samsung Galaxy J6, màu đen, đã qua sử dụng, bị vỡ màn hình, số imei 1: 35440210393xxxx, số imei 2: 35440310293xxxx qua dịch vụ chuyển phát nhanh của hệ thống bưu điện (T không nhớ ngày gửi và tên hãng dịch vụ chuyển phát) về địa chỉ Hoàng Thị N ở đội 3, khu T, phường Minh Nông, thành phố Việt Trì, tỉnh Phú Thọ. T nhờ bạn cùng phòng trọ là anh Phạm Minh T1 - sinh năm 2000, hộ khẩu thường trú ở Xã N1, huyện B, tỉnh Lào Cai nhận hộ bưu phẩm (T1 không nhớ ngày nhận bưu phẩm). Sau khi nhận được chiếc điện thoại, T mang chiếc điện thoại trên đến một cửa hàng điện thoại thuộc địa bàn thành phố Việt Trì (T không nhớ tên cửa hàng và địa chỉ cửa hàng) để bán chiếc điện thoại trên để lấy tiền chi tiêu cá nhân. Do điện thoại bị vỡ màn hình, chủ cửa hàng chỉ mua với giá 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) nên T không bán mà sửa chữa chiếc điện thoại trên với giá 700.000 đồng (bảy trăm nghìn đồng). T đã bán chiếc điện thoại nhãn hiệu OPPO F1S mà T đang sử dụng với giá 500.000 đồng (năm trăm nghìn đồng) để trả tiền sửa chữa điện thoại sau đó sử dụng chiếc điện thoại trên.

Quá trình sử dụng chiếc điện thoại nhãn hiệu Samsung Galaxy J6, T thấy trong điện thoại có ứng dụng facebook tên đăng nhập “Khun Nas” của anh Lò Văn K được lưu đăng nhập (lưu tên tài khoản và mật khẩu). T mở ứng dụng facebook của Khun Nas để xem thì phát hiện K thường nhắn tin trò chuyện với 02 tài khoản facebook có tên đăng nhập là “Soai D” của anh Lò Văn D sinh năm 1994 và tài khoản “L L” của anh Lò Văn L - sinh năm 1990, đều có hộ khẩu thường trú ở xã M2, huyện S, tỉnh S1. T đã nảy sinh ý định dùng tài khoản đăng nhập “Khun Nas” liên lạc với 02 tài khoản facebook nói trên để lừa đảo chiếm đoạt tài sản của D và L. Cụ thể:

Khoảng 19 giờ 00 phút ngày 23/12/2020, T đăng nhập tài khoản facebook “Khun Nas” giả danh K nhắn tin cho tài khoản “Soai D” với nội dung vay tiền để

sửa máy xúc, do tin tưởng người vay tiền mình là K nên anh D đồng ý, T đã nhắn tin cho anh D số tài khoản số 2890205293xxx của T và nói đây là số tài khoản của bạn để anh D chuyển tiền. Đến khoảng 10 giờ ngày 24/12/2020, anh D đến N hàng Nông nghiệp và phát triển Nông thôn Việt Nam - chi nhánh xã Chiềng Khương, huyện S, tỉnh S1 chuyển số tiền 2.000.000 đồng (hai triệu đồng) vào tài khoản của T. Cùng ngày, T đã nhận được số tiền trên.

Đến khoảng 20 giờ ngày 27/12/2020, T tiếp tục dùng tài khoản facebook “Khun Nas” giả danh là K nhắn tin đến tài khoản facebook “L L” của anh họ K là anh Lò Văn L để vay số tiền 1.000.000 đồng (một triệu đồng). Anh L tưởng là K nhắn tin nên đồng ý và yêu cầu cho số tài khoản để chuyển tiền. T lấy lý do có người thân chuyển tiền nên đã nhờ bạn cùng phòng là anh Lương Đức C - sinh năm 2001, hộ khẩu thường trú ở xã Đ, huyện Đ1, tỉnh Hòa Bình nhận hộ, C đồng ý. T đã nhắn tin cho anh L số tài khoản số 270720513xxxx mang tên Lương Đức C để L chuyển tiền. L đưa tiền và nhờ bạn là anh Lò Văn P - sinh năm 2000, hộ khẩu thường trú ở xã M2, huyện S, tỉnh S1 sử dụng tài khoản số 1017913562 chuyển vào tài khoản của anh C 1.000.000 đồng (một triệu đồng) vào ngày 28/12/2020. Do khác hệ thống ngân hàng nên số tiền anh P chuyển cho anh C bị mất phí là 5.500 đồng (năm nghìn năm trăm đồng), số tiền anh C thực nhận là 994.500 đồng (Chín trăm chín mươi tư nghìn năm trăm đồng). Sau khi nhận được tiền, anh C đã chuyển vào số tài khoản ngân hàng của T là 1.000.000 đồng (một triệu đồng).

Ngày 23/01/2021, Lò Văn T đã tự giác giao nộp 01 điện thoại Samsung Galaxy J6 số imei 1: 35440210393xxxx, số imei 2: 35440310293xxxx đã qua sử dụng.

Ngày 25/02/2021, Cơ quan Cảnh sát điều tra - Công an thành phố Việt Trì đã yêu cầu Hội đồng định giá - Ủy ban nhân dân thành phố Việt Trì định giá tài sản đối với 01 chiếc điện thoại Samsung Galaxy J6 bị chiếm đoạt nói trên. Tại Bản kết L định giá tài sản phục vụ tố tụng hình sự số 74/2021/HĐĐG-KL ngày 22/3/2021 của Hội đồng định giá tài sản - Ủy ban nhân dân thành phố Việt Trì kết L:

“Giá 01 điện thoại di động nhãn hiệu Samsung Galaxy J6 màu đen, số imei 1: 35440210393xxxx, số imei 2: 35440310293xxxx, đã qua sử dụng có giá là: 1.890.000 đồng.

- Giá 01 màn hình điện thoại di động nhãn hiệu Samsung Galaxy J6, đã qua sử dụng có giá là: 475.000 đồng.”

Như vậy xác định giá trị chiếc điện thoại di động trước khi được thay màn hình là: $1.890.000đ - 475.000đ = 1.415.000đ$.

Tổng số tiền T chiếm đoạt được của anh Lò Văn K, anh Lò Văn D và anh Lò Văn L là 5.500.000 đồng (năm triệu năm trăm nghìn đồng) và 01 chiếc điện thoại bị hỏng màn hình có giá trị là 1.415.000 đồng (một triệu bốn trăm mười lăm

ngàn đồng) của anh K, tổng cộng: 6.915.000 đồng (sáu triệu chín trăm mười lăm ngàn đồng).

Cơ quan điều tra đã triệu tập anh Lò Văn K, anh Lò Văn D, anh Lò Văn K2, anh Lò Văn L, anh Lương Đức C, anh Lò Văn P, anh Phạm Minh T1, anh Quảng Văn N để lấy lời khai làm rõ vụ án, lời khai của bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan phù hợp với lời khai của bị can và các chứng cứ tài liệu đã thu thập được trong hồ sơ vụ án. Tại cơ quan điều tra, Lò Văn T khai nhận đã thực hiện hành vi phạm tội như đã nêu trên. Đối với số tiền T chiếm đoạt được của anh Lò Văn K, anh Lò Văn L, anh Lò Văn D, T đã sử dụng hết vào việc chi tiêu cá nhân.

Quá trình điều tra, Lò Văn T đã tự nguyện trả lại cho bị hại là anh Lò Văn K, anh Lò Văn D, anh Lò Văn L số tiền, điện thoại đã chiếm đoạt nói trên. Các bị hại đã nhận đủ số tiền và không có yêu cầu đề nghị gì.

Đối với anh Phạm Minh T1 là người nhận bưu phẩm là 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Samsung Galaxy J6 do anh Lò Văn K gửi và anh Lương Đức C là người cho T mượn tài khoản ngân hàng để nhận tiền từ tài khoản của anh Lò Văn P, anh T1 và anh C đều không biết và không được hưởng lợi gì từ việc này nên Cơ quan Điều tra không đề cập xử lý là phù hợp.

Đối với số tiền 5.500 đồng bị trừ phí chuyển tiền do khác hệ thống ngân hàng, anh Lương Đức C tự nguyện chịu, không đề nghị T phải hoàn trả số tiền trên.

Về nguyên nhân, điều kiện, mục đích phạm tội: Do không có việc làm ổn định, cần tiền để chi tiêu vào mục đích cá nhân nên T đã thực hiện hành vi lừa đảo chiếm đoạt tài sản.

Về vật chứng và đồ vật tài sản bị tạm giữ:

Đối với 01 điện thoại di động nhãn hiệu Samsung Galaxy J6, vỏ màu đen, số imei 1: 35440210393xxxx, số imei 2: 35440310293xxxx, không kèm sim. Xác định đây là tài sản của anh Lò Văn K bị T lừa đảo chiếm đoạt. Ngày 23/3/2021, Cơ quan Cảnh sát điều tra - Công an thành phố Việt Trì đã trả lại cho chủ sở hữu là anh K, anh K đã nhận lại tài sản và không có yêu cầu, đề nghị gì. Đối với số tiền T bỏ ra để sửa chữa màn hình chiếc điện thoại Samsung Galaxy J6 bị hỏng màn hình, T không yêu cầu, đề nghị K phải trả lại.

Tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: T phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự là “phạm tội 02 lần trở lên”.

Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Quá trình điều tra T đã thành khẩn khai báo ăn năn hối cải; Tự nguyện bồi thường khắc phục hậu quả, trả lại cho các bị hại số tiền T đã chiếm đoạt được.

Về điều kiện kinh tế của bị cáo, Cơ quan điều tra xác định: Bị cáo không có việc làm ổn định, không có tài sản riêng gì có giá trị.

Tại Cáo trạng số 76/CT-VKS-VT ngày 21/6/2021, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Việt Trì, tỉnh Phú Thọ đã truy tố bị cáo Lò Văn T về tội “Tội lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 174 Bộ luật Hình sự.

Tại P tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Việt Trì vẫn giữ nguyên quyết định truy tố đối với bị cáo Lò Văn T và đề nghị Hội đồng xét xử:

Áp dụng khoản 1 Điều 174; Điều 38; Điểm b, s khoản 1 Điều 51; Điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự :

+ Về hình phạt chính: Đề nghị xử phạt bị cáo Lò Văn T từ 08 tháng đến 10 tháng tù về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo bị bắt đi thi hành án. Bị cáo được trừ thời hạn tạm giữ (09 ngày).

+ Về hình phạt bổ sung: Quá trình xác minh bị cáo không có tài sản gì có giá trị nên miễn hình phạt bổ sung cho bị cáo.

- Về vật chứng: Không có.

- Về trách nhiệm dân sự: Xác nhận bị cáo Lò Văn T đã tự nguyện trả lại cho bị hại là anh Lò Văn K, anh Lò Văn D, anh Lò Văn L số tiền, điện thoại đã chiếm đoạt nói trên. Các bị hại đã nhận đủ số tiền và tài sản không có yêu cầu đề nghị gì.

- Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 136 Bộ luật TTHS; Điều a, khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326 của UBTWQH về án phí, bị cáo phải chịu 200.000đ án phí theo quy định của pháp luật.

Trước khi Hội đồng xét xử nghị án, bị cáo nói lời nói sau cùng: Bị cáo biết hành vi của mình là vi phạm pháp luật và rất ăn năn, hối cải; đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng:

Hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an thành phố Việt Trì, Điều tra viên; Viện kiểm sát nhân dân thành phố Việt Trì, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về nội dung:

Lời khai của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của bị cáo trong giai đoạn điều tra, truy tố; phù hợp với các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Hội đồng xét xử có đủ căn cứ kết luận:

Trong khoảng thời gian từ ngày 17/12/2020 đến ngày 28/12/2020 tại đội 3, khu T, phường Minh Nông, thành phố Việt Trì, tỉnh Phú Thọ, Lò Văn T đã liên

tiếp bốn lần thực hiện hành vi lừa đảo chiếm đoạt tài sản, tổng số tiền bị cáo chiếm đoạt của các người bị hại là 6.915.000, đồng trong đó có hai lần số tiền chiếm đoạt từ 2.000.000 đồng trở lên, do vậy bị cáo phải chịu trách nhiệm hình sự về tội “lừa đảo chiếm đoạt tài sản” quy định tại khoản 1- điều 174 bộ luật hình sự.

Hành vi của Lò Văn T không những đã xâm phạm đến quyền sở hữu về tài sản hợp pháp của người khác được pháp luật bảo vệ và còn gây mất trật tự trị an xã hội. Bị cáo thực hiện hành vi do lỗi cố ý trực tiếp và khi thực hiện hành vi phạm tội bị cáo có đủ năng lực trách nhiệm hình sự.

Khoản 1 Điều 174. Tội lừa đảo chiếm đoạt tài sản

“1. Người nào bằng thủ đoạn gian dối chiếm đoạt tài sản của người khác trị giá từ 2.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng hoặc dưới 2.000.000 đồng nhưng thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm: ...”

Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội do vậy cần phải xử phạt nghiêm để có tác dụng giáo dục và răn đe. Tuy nhiên trước khi quyết định hình phạt hội đồng xét xử cần xem xét đến nhân thân, các tình tiết tăng nặng giảm nhẹ của bị cáo, cụ thể:

- Tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Bị cáo có nhân thân tốt chưa có tiền án tiền sự, thành khẩn khai báo ăn năn hối cải, tích cực bồi thường do vậy bị cáo được hưởng 02 tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm b,s, khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

- Tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: bị cáo phải chịu 01 tình tiết quy định tại điểm g khoản 1 điều 52 bộ luật hình sự là phạm tội 02 lần trở lên.

Về trách nhiệm bồi thường dân sự:

Xác nhận bị cáo Lò Văn T đã tự nguyện trả lại cho bị hại là anh Lò Văn K, anh Lò Văn D, anh Lò Văn L số tiền, điện thoại đã chiếm đoạt nói trên. Các bị hại đã nhận đủ số tiền và không có yêu cầu đề nghị gì. Nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Số tiền bị cáo đã bỏ ra để sửa chữa chiếc điện thoại, tại phiên tòa bị cáo không có đề nghị gì nên hội đồng xét xử không xem xét.

Về xử lý vật chứng: Không có.

Về án phí: Bị cáo phải chịu tiền án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 1 Điều 174; Điều 38; Điểm b, s khoản 1 Điều 51; Điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự:

Căn cứ Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự và Điều 23 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

1. Tuyên bố: Bị cáo Lò Văn T phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”.

2. Xử phạt bị cáo Lò Văn T 07 (bảy) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo bị bắt đi thi hành án. Bị cáo được trừ thời hạn tạm giữ 09 ngày (từ ngày 23/01/2021 đến ngày 01/02/2021).

3. Về án phí: Bị cáo Lò Văn T phải chịu 200.000 đồng (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

Bị cáo có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án để đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Phú Thọ xét xử phúc thẩm. Bị hại vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết tại địa phương nơi cư trú để đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Phú Thọ xét xử phúc thẩm.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Phú Thọ;
- Sở Tư pháp tỉnh Phú Thọ;
- VKSND thành phố Việt Trì;
- Công an thành phố Việt Trì;
- Chi cục THADS thành phố Việt Trì;
- UBND phường Dữu Lâu, Tp Việt Trì;
- Bị cáo;
- Lưu HSVA.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Thị Phương Hoa